

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: **170/2025/HS-PT**

Ngày: 31-3-2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Dương

Các Thẩm phán: 1. Ông Vũ Hồng Luyến

2. Ông Trần Vĩnh Yên

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thanh – Thư ký tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 532/2024/TLPT-HS ngày 20/12/2024 đối với bị cáo Tăng Ngọc Thu H. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2025/QĐXXPT-HS ngày 12 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2025/HSPT-QĐ ngày 25 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2025/HSPT-QĐ ngày 17 tháng 3 năm 2025:

Do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 573/2024/HS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Biên Hòa.

Bị cáo có kháng cáo:

Tăng Ngọc Thu H, sinh năm: 1977 tại tỉnh Đồng Nai;

Nơi cư trú: Tổ C, khu phố Đ, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): không biết chữ; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông (không rõ) và Trần Thị T (đã chết); có chồng Phạm Thế H1, sinh năm 1967 (đã ly hôn) và có 03 con, lớn nhất sinh năm 1993 và nhỏ nhất sinh năm 2002. Hiện bị cáo sống chung như vợ chồng với Nguyễn Thành N, sinh năm 1967;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt quả tang và tạm giữ từ ngày 06/6/2024 đến ngày 14/6/2024. Bị cáo tại ngoại theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 06/6/2024, Nguyễn Thị Hoàng O, Phan Thị Đ, Trần Thị Ánh Đ1 và Nguyễn Thị N1 đến chơi tại nhà số A tổ E, khu phố D, phường A, thành phố B (do anh Lê Đức N2, sinh năm 1984 làm chủ) cùng với Phan Thị S (cô họ của N2, đang ở nhà N2). Trong lúc ngồi chơi, O rủ Được, Đ1, N1, S đánh bạc thắng thua bằng tiền với hình thức chơi bài “Hầu Ngâm 05 lá” (Bài cào 05 lá) thì cả nhóm đồng ý. O lấy 01 bộ bài tây 52 lá rồi làm cái đánh bạc với Được, Đ1, N1, S tại phòng khách nhà anh N2 (Gia đình anh N2 đi làm không ở nhà nên không biết việc nhóm O đánh bạc).

Cách thức đánh bạc cụ thể như sau: Người chơi sử dụng bộ bài tây 52 lá, chia lần lượt mỗi người 05 lá bài. Sau khi chia bài, mỗi người chơi sẽ chọn ra 03 lá bài rồi cộng điểm để so với bài của người làm cái, người nào có tổng điểm 03 lá cộng bài là điểm chắn chục được gọi là B (Ngẫu). Người làm cái và người chơi (tay con) ai có Bù thì người đó thắng, nếu cả 02 không có Bù thì hoà. Nếu người làm cái và người chơi (tay con) đều được B thì sẽ tiếp tục tính điểm của 02 lá bài còn lại, cao nhất là 10 điểm (Bù), rồi lần lượt theo thứ tự giảm dần, thấp nhất là 01 điểm. Các lá bài 10, J, Q, K được gọi là “Bù”, lá bài A là 01 điểm, lần lượt các lá bài từ 02 đến 09 tương ứng với số điểm từ 02 đến 09 điểm. Nếu ai có cả 05 lá bài là các quân bài 10, J, Q, K thì được gọi là “N”, đây là số điểm cao nhất. Người chơi đặt cược số tiền từ 10.000đ (Mười nghìn đồng) đến 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng)/ván.

Khoảng 14 giờ ngày 06/6/2024, O, Được, Đ1, N1, S bắt đầu đánh bạc đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày thì S nghỉ không chơi nữa. Sau đó, Tăng Ngọc Thu H, Trần Thị Ngọc H2, Tô Thị Hồng H3 đến và vào tham gia đánh bạc với O, Đ1, Đ và N1. Quá trình đánh bạc không có ai thu xâu.

Với cách thức như trên, O, Được, Đ1, N1, S, H, Ngọc H2, Hồng H3 đã đánh bạc với số tiền dùng vào việc đánh bạc như sau:

- Nguyễn Thị Hoàng O đem theo và sử dụng 2.990.000đ (Hai triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng) để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, O thắng 1.080.000đ (Một

triệu không trăm tám mươi nghìn đồng), thu giữ trên người của O 1.840.000đ (Một triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng) và thu dưới chiếu bạc 2.230.000đ (Hai triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng) là tiền O đang dùng đánh bạc.

- Phan Thị Đ đem theo và sử dụng 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm nghìn đồng) để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, Được thua 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng), thu giữ trên người của Được 5.000.000đ (Năm triệu đồng) và thu dưới chiếu bạc 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) là tiền Được đang dùng đánh bạc.

- Tăng Ngọc Thu H đem theo và sử dụng 5.270.000đ (Năm triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng) để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, H thua 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), thu giữ trên người của H 4.520.000đ (Bốn triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng) và thu dưới chiếu bạc 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) là tiền H đang dùng đánh bạc.

- Tô Thị Hồng H3 đem theo và sử dụng 2.350.000đ (Hai triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, H3 thua 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), thu giữ trên người của H3 1.750.000đ (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) và thu dưới chiếu bạc 450.000đ (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng) là tiền H3 đang dùng đánh bạc.

- Trần Thị Ánh Đ1 đem theo và sử dụng 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng) để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, Đ1 thua 100.000đ (Một trăm nghìn đồng), thu dưới chiếu bạc 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng) là tiền Đ1 đang dùng đánh bạc.

- Trần Thị Ngọc H2 đem theo 2.450.000đ (Hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) và sử dụng 450.000đ (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng) để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, Ngọc H2 đang chơi ván đầu tiên và chưa có kết quả. T dưới chiếu bạc 450.000đ (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng) là tiền Ngọc H2 đang dùng đánh bạc, thu trên người Ngọc H2 2.000.000đ (Hai triệu đồng) không sử dụng đánh bạc.

- Nguyễn Thị N1 đem theo và sử dụng 70.000đ (Bảy mươi nghìn đồng) để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, N1 không thắng, không thua, thu dưới chiếu bạc 70.000đ (Bảy mươi nghìn đồng) đang dùng đánh bạc.

- Phan Thị S đem theo và sử dụng 80.000đ (Tám mươi nghìn đồng) tham gia đánh bạc cùng với O, Đ1, N1, Được từ 14 giờ đến 14 giờ 30 phút thì thua hết số tiền trên nên nghỉ không chơi nữa.

Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, khi O, Được, Đ1, N1, H, Ngọc H2, Hồng H3 đang thực hiện hành vi đánh bạc thì bị Công an phường A phát hiện bắt

quả tang, thu giữ tổng số tiền 17.510.000đ (Mười bảy triệu năm trăm mười nghìn đồng), trong đó: 4.400.000đ (Bốn triệu bốn trăm nghìn đồng) trên chiếu bạc; 13.110.000đ (Mười ba triệu một trăm mười nghìn đồng) trên người các bị cáo đang dùng đánh bạc.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thị Hoàng O, Phan Thị Đ, Tăng Ngọc Thu H, Tô Thị Hồng H3, Trần Thị Ánh Đ1, Trần Thị Ngọc H2, Nguyễn Thị N1 và Phan Thị S khai nhận hành vi phạm tội như trên.

(Biên bản bắt người phạm tội quả tang, bút lục số: 99 đến 104; Lời khai các bị can bút lục số: từ 132 đến 137; 182 đến 184; 205 đến 209; 236 đến 241; 272 đến 275; 295 đến 299; 320 đến 324; 342 đến 347; Lời khai người làm chứng bút lục số: 349, 350, 354, 355).

Vật chứng gồm:

- 01 (một) bộ bài Tây 52 lá.

- 01 (một) tấm vải màu nâu kích thước 1,4mx01m các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là tài sản của chị Nguyễn Thị Ngọc A (sinh năm 1986, là chủ căn nhà số A tổ E, khu phố D, phường A, thành phố B). Chị A không biết việc đánh bạc nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị A.

Cơ quan điều tra thu giữ số tiền dùng đánh bạc: Tổng cộng là 17.510.000đ (Mười bảy triệu năm trăm mười nghìn đồng), trong đó:

+ T trên chiếu bạc 4.400.000đ (Bốn triệu bốn trăm nghìn đồng) gồm: 2.230.000đ (Hai triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng) của O; 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng) của Đ1; 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) của H; 450.000đ (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng) của Ngọc H2; 70.000đ (Bảy mươi nghìn) của N1; 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) của Được; 450.000đ (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng) của Hồng H3.

+ Thu trên người các bị cáo số tiền dùng đánh bạc 13.110.000đ (Mười ba triệu một trăm mười nghìn đồng) gồm: 1.840.000đ (Một triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng) của O; 4.520.000đ (Bốn triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng) của H, 5.000.000đ (Năm triệu đồng) của Được; 1.750.000đ (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) của Hồng H3.

- Tài sản thu trên người các bị cáo không liên quan đến việc phạm tội, Cơ quan điều tra hiện đang tạm giữ: 2.000.000đ (Hai triệu đồng, Ngọc H2 khai là tiền sử dụng mua thuốc cho con của Ngọc H2) và 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7, số Imei 357625087298124 của Trần Thị Ngọc H2; 01 điện thoại hiệu Vivo 1714 màu đồng, số Imei 865569034339133 của O; 01 điện thoại di động

hiệu Samsung Galaxy J8, số Imei 359051094856705 của Đào; 01 điện thoại di động hiệu Realme C55, số Imei 864213064813912 của H; 01 điện thoại di động hiệu OPPO A17K, số Imei 865020067869414 của N1; 01 điện thoại di động hiệu OPPO A16K, số Imei 868289053086898 của Được (Bút lục số: từ 91 đến 96, 98, 103)

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 573/2024/HS-ST ngày 25/10/2024 Tòa án nhân dân Thành phố Biên Hòa đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Trần Thị Ngọc H2, Tăng Ngọc Thu H, Trần Thị Ánh Đ1, Tô Thị Hồng H3, Phan Thị Đ, Nguyễn Thị Hoàng O, Phan Thị S và Nguyễn Thị N1 phạm tội “Đánh bạc”.

- Căn cứ khoản 1, 2 Điều 321; Điều 17; Điều 38; Điều 58; khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hoàng O 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/6/2024.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc H2 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/6/2024.

Xử phạt bị cáo Tô Thị Hồng H3 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án nhưng được trừ vào thời gian tạm giữ trước đó từ ngày 06/6/2024 đến ngày 14/6/2024.

Xử phạt bị cáo Tăng Ngọc Thu H 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án nhưng được trừ vào thời gian tạm giữ trước đó từ ngày 06/6/2024 đến ngày 14/6/2024.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự; Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo do Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Nghị Quyết 01/2022/NQ- HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi một số điều của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Ánh Đ1 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo Trần Thị Ánh Đ1 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; Điều 36; các điểm i, s (áp dụng thêm điểm 0 cho bị cáo Đ) khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt các bị cáo Phan Thị Đ và Nguyễn Thị N1 mỗi bị cáo 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, nhưng được trừ 09 (chín) ngày tạm giữ (từ ngày 06/6/2024 đến ngày 14/6/2024) = 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ, nên bị cáo Phan Thị Đ và bị cáo Nguyễn Thị N1 còn phải tiếp tục chấp hành 05 (năm) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 25 tháng 10 năm 2024, bị cáo Tăng Ngọc Thu H có đơn kháng cáo.

Nội dung kháng cáo: Bị cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án hình sự số 573/2024/HSST ngày 25/10/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa theo hướng cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

Hành vi đánh bạc của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự an ninh xã hội, coi thường pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo Tăng Ngọc Thu H thực hiện cũng như các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng với bị cáo là phù hợp.

Bị cáo kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ, tài liệu gì đặc biệt mới, vì vậy, không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Tăng Ngọc Thu H, giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo Tăng Ngọc Thu H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị cáo được thực hiện đúng quy định nên chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo xác định hành vi của bị cáo ghi trong bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa là đúng. Lời khai nhận của bị cáo phù

hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án. Từ đó, có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 06/6/2024, tại nhà số A tổ E, khu phố D, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Nguyễn Thị Hoàng O, Phan Thị Đ, Tăng Ngọc Thu H, Tô Thị Hồng H3, Trần Thị Ánh Đ1, Trần Thị Ngọc H2, Nguyễn Thị N1 và Phan Thị S có hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức đánh bài “Hầu Ngâm 05 lá”, với số tiền dùng vào việc đánh bạc là 17.510.000đ (Mười bảy triệu năm trăm mười nghìn đồng) thì bị Công an phường A phát hiện bắt quả tang.

Tòa án sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo:

Bị cáo H đang trong độ tuổi lao động, các con đã trưởng thành, không nuôi người phụ thuộc, nhưng lại không lao động hợp pháp. Bị cáo H và bị cáo Đ mang theo số tiền lớn hơn các bị cáo khác để đánh bạc là nguyên nhân chính làm tổng số tiền đánh bạc của các bị cáo tăng cao, khiến cho hành vi của toàn bộ các bị cáo vi phạm pháp luật hình sự, phải bị xét xử. Các bị cáo có số tiền đánh bạc thấp hơn bị cáo H có nhân thân xấu đều bị xử phạt tù ở mức án nghiêm khắc nhất, có bị cáo khác bị xử hành phạt tù nhưng cho hưởng án treo vì số tiền đánh bạc không lớn; bị cáo Đ do trên 70 tuổi mới được hưởng mức án khoan hồng đặc biệt, cho hưởng hình phạt thấp, dù số tiền đánh bạc ngang bằng với bị cáo H.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ đặc biệt nào mới, nếu giảm án cho bị cáo H sẽ không công bằng cho các bị cáo khác trong vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Bị cáo phải nộp án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với kết quả tranh tụng tại phiên tòa nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào a khoản 1 Điều 358 của Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Tăng Ngọc Thu H, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 573/2024/HS-ST ngày 25/10/2024 Tòa án nhân dân Thành phố Biên Hòa

1. Tuyên bố: Bị cáo Tăng Ngọc Thu H phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 38; Điều 58; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Tăng Ngọc Thu H 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án nhưng được trừ vào thời gian tạm giữ trước đó từ ngày 06/6/2024 đến ngày 14/6/2024.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo phải nộp số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm số 573/2024/HS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật sau khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa;
- Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa;
- Công an phường Phước Tân;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa;
- Phòng hồ sơ – Công an tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thành Dương